

Số: 01/QĐ-ĐHSPKTVL-ĐT

Vĩnh Long, ngày 07 tháng 01 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp Đại học hệ Vừa làm vừa học

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT VINH LONG

Căn cứ Quyết định số 1785/QĐ-LĐTĐ ngày 21/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và xã hội về việc quy định chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vĩnh Long;

Căn cứ Quyết định số 80/2018/QĐ-ĐHSPKTVL-ĐTBD ngày 05/9/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vĩnh Long về việc ban hành Quy định đào tạo trình độ đại học hình thức vừa làm vừa học;

Căn cứ Quyết định số 191/2021/QĐ-ĐHSPKTVL-SĐH ngày 04/11/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vĩnh Long về việc thành lập Hội đồng xét tốt nghiệp Trung cấp, Cao đẳng, Đại học VLVH đợt 2 năm 2021;

Căn cứ Kết quả học tập, rèn luyện toàn khóa học của sinh viên các khóa Đại học hệ vừa làm vừa học đủ điều kiện xét tốt nghiệp đợt 2 năm 2021;

Căn cứ Biên bản xét công nhận tốt nghiệp Đại học hệ vừa làm vừa học đợt 2 năm 2021 của Hội đồng xét công nhận tốt nghiệp họp ngày 29/12/2021;

Xét đề nghị của Ông Trưởng phòng Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp **ĐẠI HỌC** hệ Vừa làm vừa học cho **88** sinh viên. (có danh sách kèm theo)

TT	Ngành đào tạo	Tổng số SV	Kết quả tốt nghiệp			
			Xuất sắc	Giỏi	Khá	Trung bình
1	Công nghệ thông tin	21	0	2	14	5
2	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	37	0	15	21	1
3	Công nghệ kỹ thuật ô tô	11	0	0	7	4
4	Công nghệ kỹ thuật giao thông	19	0	4	15	0
TỔNG CỘNG		88	0	21	57	10

Điều 2. Mọi chế độ, quyền lợi và nghĩa vụ của sinh viên được cắt khỏi Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vĩnh Long kể từ ngày ký quyết định.

Điều 3. Các Ông (Bà) Trưởng các Phòng, Khoa, Trung tâm, Đơn vị liên quan và những sinh viên có tên trong danh sách kèm theo ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

HIỆU TRƯỞNG

Nơi nhận:

- Bộ GD&ĐT (để báo cáo);
- Như điều 3;
- Lưu: P.ĐT.



PGS.TS. Lạc Hùng Phi



DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP VÀ CẤP BẰNG ĐẠI HỌC HỆ VỪA LÀM VỪA HỌC - ĐỢT 2 NĂM 2021

(Kèm theo quyết định số: 01/QĐ-ĐHSPKTVL-ĐT ngày 07 tháng 01 năm 2022)

TT	Mã số SV	Họ và tên	Giới tính	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi sinh	Dân tộc	ĐTBCTL	Hạng tốt nghiệp
I. Ngành Công nghệ thông tin								
1	17304019	Triệu Tổ Nương	Nữ	21/9/1987	Cà Mau	Kinh	2.77	Khá
2	17304053	Nguyễn Phước Hậu	Nam	01/01/1984	An Giang	Kinh	2.71	Khá
3	17304061	Nguyễn Tiến Phương	Nam	20/8/1993	Vĩnh Long	Kinh	2.42	Trung bình
4	17304065	Nguyễn Thị Tươi	Nữ	01/9/1985	Vĩnh Long	Kinh	2.55	Khá
5	18304010	Lê Trường Giang	Nam	28/10/1995	Bến Tre	Kinh	2.57	Khá
6	18304011	Nguyễn Thanh Hải	Nam	21/4/1994	Bến Tre	Kinh	2.88	Khá
7	18304012	Đặng Hoàng Huân	Nam	15/5/1993	Vĩnh Long	Kinh	2.59	Khá
8	18304013	Phan Đăng Khoa	Nam	14/02/1990	Bến Tre	Kinh	2.61	Khá
9	18304014	Nguyễn Thanh Lâm	Nam	29/01/1992	Bến Tre	Kinh	2.82	Khá
10	18304015	Lê Thành Lễ	Nam	11/02/1993	Bến Tre	Kinh	3.23	Giỏi
11	18304017	Huỳnh Huy Sang	Nam	04/01/1995	Bến Tre	Kinh	2.54	Khá
12	18304018	Phạm Hồng Thảo	Nam	15/01/1997	Bến Tre	Kinh	2.78	Khá
13	18304019	Lê Ngọc Thịnh	Nam	21/12/1996	Bến Tre	Kinh	3.34	Giỏi
14	18304020	Trần Thị Thanh Thúy	Nữ	16/4/1992	Bến Tre	Kinh	2.61	Khá
15	18304021	Nguyễn Thị Thúy	Nữ	20/4/1987	Hung Yên	Kinh	2.30	Trung bình
16	18304024	Nguyễn Xuân Vũ	Nam	10/10/1992	Bến Tre	Kinh	2.40	Trung bình
17	18304025	Nguyễn Thái Bình	Nữ	21/01/1996	Bến Tre	Kinh	2.93	Khá
18	18304026	Hồ Thị Diễm Kiều	Nữ	26/11/1989	Bến Tre	Kinh	2.34	Trung bình
19	18304027	Nguyễn Văn Phong	Nam	07/6/1993	Bến Tre	Kinh	2.54	Khá
20	19304017	Lê Cẩm Tiên	Nữ	27/12/1994	Vĩnh Long	Kinh	2.58	Khá
21	19304046	Lê Thị Huyền Trân	Nữ	24/12/1987	Vĩnh Long	Kinh	2.26	Trung bình
II. Ngành Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử								
22	16303211	Nguyễn Quang Châu	Nam	22/01/1983	Bến Tre	Kinh	3.44	Giỏi
23	16303215	Trần Quang Huy	Nam	16/8/1987	Bến Tre	Kinh	3.38	Giỏi
24	16303216	Nguyễn Tấn Kiệt	Nam	06/01/1982	Bến Tre	Kinh	3.32	Giỏi
25	16303218	Nguyễn Phúc Lộc	Nam	14/02/1980	Bến Tre	Kinh	3.35	Giỏi
26	16303219	Nguyễn Văn Lợi	Nam	15/5/1986	Bến Tre	Kinh	3.10	Khá
27	16303220	Trần Hữu Nghĩa	Nam	02/12/1983	Bến Tre	Kinh	3.34	Giỏi
28	16303222	Võ Văn Sang	Nam	14/7/1979	Bến Tre	Kinh	2.89	Khá
29	16303227	Nguyễn Chí Trung	Nam	10/10/1985	Bến Tre	Kinh	3.16	Khá
30	16303228	Nguyễn Mạnh Tuấn	Nam	21/01/1992	Bến Tre	Kinh	3.39	Giỏi
31	16303230	Nguyễn Bảo Xuyên	Nam	27/4/1986	Bến Tre	Kinh	2.99	Khá
32	17303001	Hồ Thanh Hiệp	Nam	05/11/1975	Bến Tre	Kinh	2.90	Khá
33	17303002	Trần Trung Nghĩa	Nam	28/11/1985	Bến Tre	Kinh	3.26	Giỏi
34	17303003	Phan Trang Nghiêm	Nữ	30/4/1982	Tiền Giang	Kinh	3.42	Giỏi
35	17303004	Nguyễn Thế Phú	Nam	25/12/1983	Bến Tre	Kinh	3.00	Khá



TT	Mã số SV	Họ và tên	Giới tính	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi sinh	Dân tộc	ĐTBCL	Hạng tốt nghiệp
36	17303006	Lư Sanh Minh Tân	Nam	17/01/1981	Bến Tre	Kinh	2.95	Khá
37	17303010	Nguyễn Huỳnh Trung	Nam	05/3/1979	Bến Tre	Kinh	2.71	Khá
38	18303001	Phạm Thạch Âu	Nam	12/8/1995	Bình Thuận	Kinh	3.21	Giỏi
39	18303009	Huỳnh Công Hậu	Nam	06/7/1992	Quảng Ngãi	Kinh	2.98	Khá
40	18303020	Nguyễn Sĩ Phúc	Nam	15/10/1986	Hà Tĩnh	Kinh	2.95	Khá
41	18303031	Đinh Xuân Tiên	Nam	31/7/1991	Bình Thuận	Kinh	3.28	Giỏi
42	18303033	Lê Văn Tiến	Nam	06/5/1993	Đắk Lắk	Kinh	3.58	Giỏi
43	18303034	Nguyễn Văn Tiến	Nam	15/8/1992	Hà Tĩnh	Kinh	3.33	Giỏi
44	18303036	Lê Văn Trương	Nam	26/02/1992	Bình Thuận	Kinh	3.30	Giỏi
45	18303038	Lê Thanh Vi	Nam	19/12/1991	Ninh Thuận	Kinh	3.01	Khá
46	18303046	Lê Văn Dũng	Nam	16/10/1992	Quảng Ngãi	Kinh	3.20	Giỏi
47	18303049	Hồ Hữu Hiệu	Nam	01/12/1993	Bình Thuận	Kinh	3.06	Khá
48	18303050	Đoàn Văn Hưng	Nam	16/8/1992	Thái Bình	Kinh	3.14	Khá
49	18303053	Lưu Đình Liêm	Nam	12/5/1992	Ninh Thuận	Kinh	3.12	Khá
50	18303054	Nguyễn Hữu Luân	Nam	14/9/1989	Hà Tĩnh	Kinh	3.03	Khá
51	18303064	Nguyễn Ngọc Tài	Nam	17/5/1994	Bình Thuận	Kinh	3.37	Giỏi
52	18303069	Lê Trọng Thiện	Nam	14/8/1992	Bình Thuận	Kinh	3.17	Khá
53	18303070	Phan Hữu Thọ	Nam	25/3/1993	Bình Thuận	Kinh	3.11	Khá
54	18303071	Trần Hữu Vũ Thư	Nam	20/5/1987	Bình Thuận	Kinh	2.93	Khá
55	18303078	Đặng Thiện Trung	Nam	18/5/1991	Tp Hồ Chí Minh	Kinh	3.01	Khá
56	18303082	Hoàng Hữu Tuấn	Nam	12/7/1994	Bình Thuận	Kinh	2.98	Khá
57	18303083	Nguyễn Thanh Tuấn	Nam	20/6/1988	Bình Thuận	Kinh	3.19	Khá
58	18303051	Nguyễn Thanh Hữu	Nam	10/11/1984	Đồng Tháp	Kinh	2.45	Trung bình

III. Ngành Công nghệ kỹ thuật ô tô

59	17301042	Lê Phước Trọng	Nam	02/10/1992	Đồng Tháp	Kinh	2.86	Khá
60	18301021	Đào Minh Trung Tín	Nam	19/9/1993	Tp Hồ Chí Minh	Kinh	2.90	Khá
61	19301001	Võ Minh Hùng	Nam	20/02/1995	Tiền Giang	Kinh	2.33	Trung bình
62	19301004	Nguyễn Thế Trung	Nam	04/01/1986	Vĩnh Long	Kinh	2.63	Khá
63	19301006	Lê Văn Điền	Nam	16/10/1995	Tiền Giang	Kinh	2.23	Trung bình
64	19301008	Nguyễn Minh Tiến	Nam	01/8/1992	Vĩnh Long	Kinh	2.67	Khá
65	19301012	Nguyễn Tấn Lộc	Nam	14/12/1997	Cần Thơ	Kinh	2.76	Khá
66	19301013	Trịnh Trung Hiếu	Nam	31/3/1996	Kiên Giang	Kinh	3.11	Khá
67	19301015	Trần Trung Kiên	Nam	15/7/1991	Bạc Liêu	Kinh	2.40	Trung bình
68	19301016	Phan Hữu Sơn	Nam	05/3/1997	Kiên Giang	Kinh	2.93	Khá
69	19301017	Trần Quốc Cường	Nam	01/01/1996	Bạc Liêu	Kinh	2.27	Trung bình

IV. Ngành Công nghệ kỹ thuật giao thông

70	19312001	Tô Quang Bảo	Nam	02/11/1996	Tiền Giang	Kinh	3.41	Giỏi
71	19312002	Đặng Việt Cường	Nam	28/8/1982	Thái Nguyên	Kinh	2.95	Khá
72	19312006	Võ Văn Khâm	Nam	26/4/1994	Bình Định	Kinh	3.15	Khá
73	19312008	Võ Phước Lợi	Nam	13/7/1992	Long An	Kinh	3.08	Khá
74	19312009	Lê Trần Tấn Lực	Nam	09/02/1994	Tiền Giang	Kinh	3.20	Giỏi

TT	Mã số SV	Họ và tên	Giới tính	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi sinh	Dân tộc	ĐTBCTL	Hạng tốt nghiệp
75	19312010	Dương Văn Một	Nam	10/01/1995	Bến Tre	Kinh	3.10	Khá
76	19312012	Hồ Sỹ Nhật	Nam	20/9/1991	Nghệ An	Kinh	2.97	Khá
77	19312015	Vũ Văn Tài	Nam	05/6/1991	Thái Bình	Kinh	2.97	Khá
78	19312016	Hồ Văn Thái	Nam	04/4/1996	Tiền Giang	Kinh	3.02	Khá
79	19312018	Nguyễn Văn Thọ	Nam	09/3/1993	Nghệ An	Kinh	3.05	Khá
80	19312020	Nguyễn Tiến	Nam	02/02/1993	Quảng Ngãi	Kinh	3.08	Khá
81	19312021	Hoàng Văn Trinh	Nam	22/02/1993	Quảng Trị	Kinh	3.11	Khá
82	19312022	Đinh Quang Trọng	Nam	28/01/1992	Long An	Kinh	3.25	Giỏi
83	19312024	Nguyễn Viết Anh Tuấn	Nam	11/8/1996	Đắk Lắk	Kinh	2.97	Khá
84	19312025	Hàng Thanh Tùng	Nam	10/7/1980	Tp Hồ Chí Minh	Kinh	3.14	Khá
85	19312026	Trần Tấn Vũ	Nam	18/8/1994	Long An	Kinh	3.24	Giỏi
86	19312027	Nguyễn Duy Hồng Ân	Nam	02/6/1990	Tp Hồ Chí Minh	Kinh	3.15	Khá
87	19312028	Nguyễn Thành Long	Nam	29/02/1988	Tiền Giang	Kinh	2.92	Khá
88	19312029	Lê Văn Rin	Nam	12/8/1988	Thừa Thiên Huế	Kinh	2.94	Khá

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. Cao Hùng Phi

